

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2025.
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng.
2. Ông Trần Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/01/1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh ngày 01/01/1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 06 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông và bà C xây dựng hôn nhân vào năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông và bà C có 02 người con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1994 và Nguyễn Hồng M, sinh ngày 01/01/1996. Hiện tại, H và M đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng. Về tài sản chung, ông và bà C có 01 phần đất ngang 06m x dài 20m, địa chỉ đất: ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau cùng 01 căn nhà tạm và bến đò tại ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau. Ngoài ra, ông và bà C không còn tài sản chung nào khác. Về nợ chung, không có. Quá trình chung sống, ông và bà C bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Hiện nay, ông

và bà C đã sống ly thân từ ngày 13/3/2025 (âm lịch) mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Nay ông yêu cầu ly hôn với bà C. Về con chung, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Đỗ Thị C trình bày tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải ngày 21/10/2015: Bà thống nhất với lời trình bày của ông N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay bà đồng ý ly hôn với ông N. Về con chung, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông N và bà C là vợ chồng. Về con chung, các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên không giải quyết. Về tài sản chung ông N và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị C. Khi khởi kiện, bà C có địa chỉ tại ấp Bình Thạnh, xã Vĩnh Phước, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà C theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 1990, ông N và bà C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Ông N và bà C thống nhất, trong quá trình chung sống, ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau khiến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, ông bà cũng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông N và bà C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông N và bà C xác định ông bà có hai người con chung là **Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1994 và Nguyễn Hồng M, sinh ngày 01/01/1996**. Do các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông N và bà C thống nhất có tài sản chung là **01 phần đất ngang 06m x dài 20m, địa chỉ đất: ấp Bình Thạnh, xã Vĩnh Phước, tỉnh Cà Mau cùng 01 căn nhà tạm và bến đò tại ấp Bình Thạnh, xã Vĩnh Phước, tỉnh Cà Mau**. Tuy nhiên, ông N và bà C đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông N và bà C xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên **Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết**.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung: **Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1994 và Nguyễn Hồng M, sinh ngày 01/01/1996** đều đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị C thống nhất **tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết**.

4. và nợ chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị C thống nhất không có và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001168 ngày 07 tháng 10 năm 2025, được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu